

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-PT

Ngày: 10/8/2022

“V/v Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng
đất; bồi thường tài sản trên đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy

Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và bồi thường tài sản trên đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952, có mặt

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1962, có mặt

Đều trú tại: Khu 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hách Thị L, sinh năm 1973, có mặt.

Trú tại: Thôn Thành Tiến, xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Vũ Quốc T và Luật sư Trương Quốc V - Văn phòng Luật sư Th - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Địa chỉ: 53 đại lộ L, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn B, Sinh năm 1962, có mặt.

- Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1962, có mặt.

Đều trú tại: Thôn T1, xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Văn Th - Công ty TNHH Luật Kh - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Địa chỉ: 57 P, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1928, vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1987, vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1988, có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T1, xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1980 vợ chồng ông H bà L được bố mẹ là cụ Nguyễn Văn S, cụ Nguyễn Thị K cho mảnh đất thổ cư tại đội 7, thôn T1, xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa và làm cho vợ chồng ông bà ngôi nhà 3 gian cấp 4 lợp ngói để ở riêng. Nhà đất đã được đăng ký với thôn và xã được các cấp có thẩm quyền đo đạc vào năm 1985 theo sổ mục kê và bản đồ 299 thuộc thửa 258, tờ bản đồ số 02, diện tích 800m², đứng tên chủ sử dụng là ông, bà L H.

Năm 1987 do bà L lên thị trấn Sao Vàng làm công nhân, nên ông H bà L cho vợ chồng em trai là ông Nguyễn Văn B, vợ là bà Hoàng Thị H1 mượn nhà đất để ở, hai bên chỉ nói miệng, không có văn bản giấy tờ; hai bên thống nhất khi nào ông H bà L có nhu cầu ở thì ông B bà H1 sẽ trả lại. Trong quá trình sử dụng ông B, bà H1 tự động tháo dỡ ngôi nhà 3 gian để xây dựng nhà mới, tự động chuyển quyền sở hữu, sử dụng đất sang cho ông B, bà H1 đứng tên chính chủ mảnh đất này đồng thời ông B, bà H1 cắt đất phân chia cho các con của mình là Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Thị H3. Năm 2018 vợ chồng ông Hồng có nhu cầu sử dụng nhà đất, nhưng ông B, bà H1 không trả lại ngôi nhà và đất, nên ông H, bà L làm đơn khiếu nại; kết quả UBND huyện Th ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ các Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông B bà H1 và anh H2, chị H2.

Trong quá trình UBND xã và Thanh tra huyện đang giải quyết, nhưng gia đình ông B vẫn ngang nhiên xây dựng tiếp nhà ở và công trình phụ trên mảnh đất này.

Nay ông H bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Th giải quyết: Buộc gia đình ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị H3 tháo dỡ công trình trên đất trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa 258 tờ số 02 bản đồ 299 và bồi thường cho ông bà H L ngôi nhà 3 gian cấp 4 lợp ngói ông bà B H1 đã tháo dỡ trị giá 100.000.000^d.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H1 trình bày:* Đất đai gia đình ông, bà đang ở có nguồn gốc từ đời ông cha để lại, sau khi ông H lập gia đình, bố ông là cụ Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị K có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L ở riêng ra mảnh đất vườn kế bên cạnh là thửa 258 tờ số 2 bản đồ 299 xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Khi bố mẹ cho ở riêng có làm 02 gian nhà tranh, vách nứa cho ông H bà L ở và không có bất cứ giấy tờ gì nói cho ông H bà L. Đến năm 1987 ông H cho vợ là Lê Thị L và các con lên ở tại Sao Vàng, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa làm công nhân. Ông H đã nói với vợ chồng ông "Tao bán nhà đất cho vợ chồng bay bằng giá trị 3 tạ lúa, say thành gạo đem lên cho chị bay (tức bà Lê Thị L) lấy cái để ăn uống, sinh hoạt khi mới đi làm công nhân". Lúc bấy giờ do anh em ruột thịt nên việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng miệng và không lập thành văn bản. Ngoài việc đã trả cho ông H, bà L 3 tạ lúa, ông B còn trả bằng sức lao động cho vợ chồng ông H, bà L đó là công cùng tổ thợ xây nhà cho gia đình ông H năm 1989, thời gian làm việc khoảng 4 tháng.

Đến năm 1992 do ở trên căn nhà 2 gian vách nứa xập xệ, mỗi lần mưa bão phải dùng gậy chống đỡ, nên gia đình ông B xây nhà kiên cố để ở, trước khi xây nhà, ông Nguyễn Văn H đã về căng dây làm mốc để gia đình ông B xây tường rào và xây móng nhà, việc xây dựng nhà cửa có bố mẹ cùng các anh chị em trong nhà đều biết, đều tán thành và không có ai ý kiến và khiếu nại gì; đặc biệt là ông H, bà L. Năm 1992 sau khi xây dựng nhà xong ông bà có mời ông H, bà L về tân gia mừng nhà mới. Năm 1996 gia đình ông bà được cấp giấy CNQSDĐ. Từ năm 1992 đến nay gia đình ông bà đã xây thêm nhà cửa và các công trình kiên cố khác không có ai trong gia đình có ý kiến trái chiều, hay kiện tụng, khiếu nại gì vì tất cả công trình xây dựng ông bà đều mời anh chị em góp ý kiến tham dự, đặc biệt có cả ông H, bà L. Ông H, bà L nói cho mượn đất và nhà để ở và trông coi nhà là không đúng sự thật, nói tháo dỡ nhà cũ 2 gian và xây dựng công trình mới không biết như vậy là không đúng sự thật.

Năm 2019, thấy đất đai có giá trị nên ông H, bà L làm đơn khiếu nại kiện đòi nhà đất. Trong quá trình giải quyết hòa giải, gia đình ông có thiện chí nhường cho ông H bà Lan 5m mặt đường nhưng ông H bà Lan đòi 10m nên gia đình ông B không đồng ý. Việc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất và nhà trên đất gia đình ông không chấp nhận. Bởi đất đai có nguồn gốc từ đời ông cha để lại, trong gia đình anh em đã mua bán với nhau, việc giao dịch chuyển nhượng nhà và đất giữa hai bên đã được thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, gia đình ông đã sử dụng, sở hữu nhà, đất ở tại thửa 258, hồ sơ 299, tờ bản đồ số 2

từ năm 1987 đến nay, ông B bà H không chấp nhận trả lại cho ông H, bà L như yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1928 là bố của ông H, ông B. Hiện nay ông S đã già yếu bị tai biến không còn minh mẫn, nên không thể ghi lời khai của ông S.

- Anh Nguyễn Văn H2 (con trai của ông B bà H1) trình bày: Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất thống nhất như nội dung trình bày của ông B bà H1. Gia đình anh đã mua của ông H bà L và đã trả bằng 3 tạ lúa, vì anh em ruột trong gia đình nên không viết giấy tờ. Tại Biên bản hòa giải tại xã T ngày 16/10/2019, ông H bà L đã xác nhận có nhận gạo thóc của ông B bà H1. Trong quá trình sử dụng đất hơn 30 năm, gia đình anh đã xây dựng nhiều công trình trên đất, vợ chồng ông H biết rõ, không thắc mắc, khiếu nại gì. Anh H đã được ông B bà H1 cho 315m² đất, anh đã xây dựng công trình trên đất. Nay lại vợ chồng ông H khởi kiện đòi đất và đòi bồi thường ngôi nhà cấp bốn thì anh H2 không đồng ý.

- Chị Nguyễn Thị H3 (con gái của ông B bà H1) trình bày: Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất thống nhất như nội dung trình bày của ông B bà H1. Gia đình anh đã mua của ông H bà L và đã trả bằng 3 tạ lúa, vì anh em ruột trong gia đình nên không viết giấy tờ.

Năm 2019, bố mẹ chị là ông bà B H1 đã cho vợ chị 139m² đất và chị đã làm nhà, xưởng gỗ từ năm 2010 và sử dụng ổn định đến nay. Nay ông bà H lại khởi kiện đòi đất thì chị không thống nhất.

* Tại biên bản định giá tài sản ngày 27 tháng 10 năm 202. Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Thiệu Hóa đã định giá kết quả như sau:

1. Về đất ở: Thửa đất 258, tờ bản đồ số 02 diện tích 767,4m². Tổng trị giá khu 767,4m² x 2.800.000đ/m² = 2.148.720.000đ

2. Công trình trên đất trị giá 749.546.000đ.

3. Tổng giá trị định giá: 2.898.266.000đ. Ngôi nhà 3 gian hiện không còn nên Hội đồng không định giá.

* Tại Bản án số 03/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Áp dụng: Điều 106, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 46 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 điều 157, khoản 1 điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm chịu chi phí thẩm định, định giá, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 14/4/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L kháng cáo toàn bộ bản án số 03/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông B phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất trả lại thửa đất 258 tờ bản đồ số 02 đo vẽ năm 1985 đã mượn của ông H bà L và bồi thường tài sản trên đất trị giá 100.000.000đ.

* Ngày 05/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

* Tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, không thay bồi bổ sung đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L.

- Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn B bà Hoàng Thị H1 trả lại tài sản là diện tích đất đã mượn và bồi thường tài sản trên đất; nhưng cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật là “Giải quyết yêu cầu kiện đòi quyền sở hữu, sử dụng nhà đất bị chiếm giữ” là không chính xác; Trong trường hợp này phải xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về đòi lại tài sản cho mượn là quyền sử dụng đất và bồi thường tài sản trên đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa và đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L làm theo đúng trình tự, thời hạn quy định tại các Điều 272, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[2.1] Xem xét nội dung khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H1 phải trả lại cho ông bà toàn bộ diện tích đất tại thửa 258 tờ bản đồ số 8 bản đồ năm 1985, diện tích là 800m² trị giá là 440.000.000đ và giá trị ba gian nhà mái ngói xây dựng trên đất khoảng 15.000.000đ, tổng giá trị nhà và đất là 455.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi mức yêu cầu bồi thường từ 15.000.000đ lên 100.000.000đ. Buộc ông B, bà H1, anh H2, chị H2 phải tháo dỡ toàn bộ công trình nhà ở xây dựng trên đất để trả lại mặt bằng 800m² đất cho gia đình ông. Như vậy đây là quan hệ kiện đòi lại tài sản cho mượn là quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường tài sản trên đất tương ứng một khoản tiền cụ thể.

Xác định trách nhiệm nộp tạm ứng án phí và án phí: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí không giá ngạch là 300.000đ, không yêu cầu nguyên đơn nộp tạm ứng án phí đối với khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại là không chính xác; vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 24 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại quyết định của bản án số 03/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 đã tuyên xử Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng phần chịu án phí thì chỉ tuyên nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí không có giá ngạch, không tuyên chịu án phí về phần yêu cầu bồi thường tài sản trên đất không được chấp nhận là vi phạm khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2.2] Về phạm vi giải quyết yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L căn cứ vào tài liệu là bản đồ 299 mang tên "chị L H" (bà L và ông H) để yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H phải trả lại toàn bộ diện tích đất là 800m² đã mượn từ năm 1987 và bồi thường giá trị ngôi nhà 3 gian cấp bốn là 100.000.000đ. Tại bản khai ngày 04/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn B và bà Hoàng Thị H1 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Năm 1987 ông H, bà L khi chuyển nhà lên thị trấn S, huyện Th để làm công nhân, thì đã đồng ý chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông B với giá bằng 3 tạ lúa, việc thỏa thuận này chỉ nói bằng miệng, không lập thành văn bản. Ông H yêu cầu xay thành gạo giao cho bà L để lấy gạo ăn. Tại buổi hòa giải ngày 16/10/2019 do Ủy

ban nhân dân xã T, huyện Th lập thì chính bà L đã thừa nhận rằng đã nhận của vợ chồng ông B 68kg gạo (tương ứng với một tạ lúa), còn 2 tạ đến nay chưa trả. Với nội dung trên, thể hiện có sự liên quan việc chuyển nhượng đất giữa ông H, bà L với ông B, bà H1. Ông B bà H1 yêu cầu công nhận thừa đất ông H bà L đang tranh chấp đã chuyển nhượng cho ông B bà H1.

Như vậy, để giải quyết triệt để nội dung vụ án này, cần thiết phải xem xét đến giao dịch chuyển nhượng giữa ông H, bà L với ông B, bà H năm 1987. Nhưng quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa không hướng dẫn cho bị đơn là ông B bà H1 làm đơn phản tố yêu cầu xem xét giao dịch chuyển nhượng năm 1987 giữa các bên. Cấp Sơ thẩm tuyên không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chưa toàn diện, chưa đủ căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

[2.3] Bản án sơ thẩm đã nhận định “Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L không phải là người đứng chủ quyền sử dụng, sở hữu nên không có quyền khởi kiện”. Nếu nhận định nguyên đơn không có quyền khởi kiện thì hậu quả pháp lý là đình chỉ vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện; Không phải không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L. Nhận định và quyết định của Bản án sơ thẩm là mâu thuẫn.

Lời tuyên của Bản án chỉ nêu chung chung “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L”; Không nêu cụ thể quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án là thiếu sót, không rõ ràng, gây khó khăn cho công tác thi hành án, vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Từ những sai phạm trên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị đề nghị hủy Bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông H bà L về việc: Buộc gia đình ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H1, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị H tháo dỡ công trình trên đất trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa 258 tờ số 02 bản đồ 299 và bồi thường cho ông bà H L ngôi nhà 3 gian cấp 4 lợp ngói ông bà B H1 đã tháo dỡ trị giá 100.000.000^d.

Như đã phân tích tại mục [2], chưa đủ căn cứ để xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, nên sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm thụ lý vụ án giải quyết lại.

[4] Về án phí: Ông H bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 29 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện trưởng nhân dân tỉnh Thanh hóa: Hủy Bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 05/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L về việc: Buộc gia đình ông Nguyễn Văn B, bà Hoàng Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 và chị Nguyễn Thị H3 tháo dỡ công trình trên đất trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa 258 tờ số 02 bản đồ 299 và bồi thường cho ông bà H L ngôi nhà 3 gian cấp 4 lợp ngói ông bà B H1 đã tháo dỡ trị giá 100.000.000^d sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm thụ lý vụ án giải quyết lại.

3. Về án phí: Ông H bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS,TA,THADS huyện Thiệu Hóa;
- Dương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu